TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:131/2018/DS-ST
Ngày 04-10-2018
Về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Kim Cương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Bà Nguyễn Thị NĐiệp

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 208/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 588/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

Nguyên đơn: Ông Quách Thanh T, sinh năm 1966 *(có mặt)*
Địa chỉ cư trú: Số 377, đường K, khóm 5, phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh Thanh L - Văn Phòng Luật sư Trịnh Thanh L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1973 *(vắng mặt)*
Địa chỉ cư trú: Số 176, ấp 3, xã V, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965*; Địa chỉ cư trú:* Số 377, đường K, khóm 5, phường 6, thành phố M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Quách Thanh T trình bày: Vào ngày 13/7/2017 (âm lịch), Vợ chồng ông Quách Thanh T có cho bà Trần Hồng N vay số tiền 250.000.000 đồng (có biên nhận), thỏa thuận lãi suất bằng miệng 1%/tháng. Khi vay bà Ncó thế chấp cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 836361 tên người sử dụng đất là Trần Hồng N cho ông làm tin. Từ khi vay đến nay, bà Ncó trả cho ông 02 tháng tiền lãi (từ ngày 13/7/2017 – 13/9/2017 âm lịch), sau đó bà N không thanh toán cho ông T khoản tiền nào kể cả vốn và lãi. Nay ông T yêu cầu bà N trả cho ông tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và khoản lãi suất 01/%tháng tính kể từ ngày 14/9/2017 (âm lịch) đến ngày 14/4/2018 bằng số tiền 17.500.000 đồng. Đồng thời, ông còn yêu cầu trường hợp bà N không trả nợ ông yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài

sản nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 836361 tên người sử dụng đất là Trần Hồng N để thu hồi nợ. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn: Bà Trần Hồng N không có mặt tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bà N đã được Tòa án niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập xét xử theo quy định pháp luật, nhưng bà Nđều vắng mặt không có ly do. Bà N cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của chồng bà là ông Quách Thanh T, số tiền ông Tcho bà N vay là nguồn tiền chung của vợ chồng nên nay bà chỉ yêu cầu bà Nphải thanh toán cho vợ chồng bà số tiền vay 250.000.000 đồng, ngoài ra bà không có ý kiến bổ sung gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà Trần Hồng N có vay của vợ chồng ông T bà H số tiền 250.000.000đ, khi vay bà Ncó tự viết biên nhận mượn tiền và ký tên. Việc thỏa thuận vay tiền có biên nhận rõ ràng nên nay ông T, bà H yêu cầu bà Ntrả số tiền 250.000.000đ. Yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khi vay thì bà Ncó thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà H mặt dù việc thế chấp không có làm hợp đồng công chứng chứng thực theo quy định.Tuy nhiên, do hiện nay bà Nvắng mặt tại địa phương nên ông T yêu cầu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo việc thi hành án. Đồng thời nguyên đơn yêu cầu bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Trần Hồng N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Trần Hồng N.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung quan hệ pháp luật các đương sự tranh chấp được xác định là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; và theo khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án

[3] Nội dung tranh chấp: Vào ngày 13/7/2017 (âm lịch), bà Trần Hồng N có vay của vợ chồng ông Quách Thanh T và bà Nguyễn Thị H số tiền 250.000.000 đồng, khi vay bà Ncó viết biên nhận mượn tiền, thỏa thuận lãi suất bằng miệng 1%/ tháng. Khi vay bà Ncó thế chấp cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 836361 tên người sử dụng đất là Trần Hồng N cho ông T làm tin. Từ khi vay đến nay, bà N có trả cho ông T02 tháng tiền lãi (từ ngày 13/7/2017 – 13/9/2017 âm lịch. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Quách Thanh T

và vợ là bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần Hồng N trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, ông Tcòn yêu cầu trường hợp bà Nkhông trả nợ thì ông yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản nhà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 836361 tên người sử dụng đất là Trần Hồng N để thu hồi nợ. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn 250.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi vay tiền bị đơn có viết biên nhận mượn tiền vào ngày 13/7/2017 (âm lịch) bị đơn có ký tên và ghi rõ họ tên. Thực tế về mặt pháp lý biên nhận 250.000.000đ là chứng cứ duy nhất và là cơ sở pháp lý, khi vay bà Ncó giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T bà H làm tin. Nên nay mặc dù bà N không có mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đến ngày xét xử bà N không đến Tòa án cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào các chứng cứ chứng minh mà nguyên đơn cung cấp hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng minh việc bị đơn có vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là sự thật. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền vay 250.000.000đ là có căn cứ.

Nguồn tiền mà ông Tcho bà N vay là tài sản chung của vợ chồng ông Tâm, bà Hui. Nên nay bà H yêu cầu bà N phải thanh toán số nợ vay cho vợ chồng ông bà là phù hợp.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Khi vay, bà Ncó thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 836361 mang tên Trần Hồng N cho ông T. Việc thế chấp quyền sử dụng đất này không có lập thành hợp đồng và không có công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai. Cho nên đối với yêu cầu của ông T về việc xử lý tài sản sản thế chấp trong trường hợp bà Nkhông trả số tiền vay nêu trên thì ông Tyêu cầu Thi hành án phát mãi tài sản nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 836361 tên người sử dụng đất là Trần Hồng N để thu hồi nợ là không có cơ sở chấp nhận. Ông Tâm, bà Hphải có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 836361 tên người sử dụng đất là Trần Hồng N cho bà Trần Hồng N.

[6] Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 167 Luật đất đai; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều: 26, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Hồng N có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Quách Thanh T, bà Nguyễn Thị H tổng số tiền vay còn thiếu là 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày ông Quách Thanh T, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Hồng N không thi hành xong khoản tiền trên, thì bà Nphải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp 3, xã V, thành phố M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 83631 do bà Trần Hồng N đứng tên.

Ông Quách Thanh T, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 836361 tên người sử dụng đất là Trần Hồng N cho bà Ngọc.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Quách Thanh T, bà nguyễn Thị H không phải chịu. Ngày 28/6/2018 ông T có tạm ứng án phí số tiền 6.687.000 đồng, theo Biên lai thu số 0000972 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Hồng N phải chịu là 12.500.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các diiêù 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T, bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND thành phố Cà Mau;*
- *Chi cục THADS thành phố Cà Mau;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã Ký)

Phạm Kim Cương